TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 27- 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nông Văn Hần;

Ông Nguyễn Đức Nhâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Tạ Ngọc Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST-DS, ngày 27/6/2022 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-DS, ngày 17/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng(Sau đây gọi là Ngân hàng);

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn N H, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng Giám đốc: Ông Cao Minh T – Chức vụ Giám đốc chi nhánh (Theo văn bản ủy quyền số 2965 ngày 27/12/2019).

Người đại diện theo ủy quyền (Do ông Cao Minh T ủy quyền): Bà Ma Thị Minh H – Chức vụ Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh. (Theo văn bản ủy quyền số 285 ngày 29/6/2022)

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Thôn N Ch, xã N Kh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Nguyên đơn có mặt;

Bị đơn vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trình bày tại phiên toà – Ngân hàng (do bà Ma Thị Minh H) trình bày:

Ngày 14/4/2020, Ngân hàng cấp tín dụng cho bà Hoàng Thị T số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) theo Hợp đồng tín dụng số 8105LAV202000924 (Sau đây gọi là Hợp đồng); thời hạn vay: 60 tháng (Đã quá hạn trả gốc ngày 14/4/2022 số tiền: 10.000.000 đồng); Lãi suất: 12%/năm; Lãi suất với dư nợ gốc qúa hạn là 150% của lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả 10%/ năm.

Tính đến ngày 27/9/2022, tổng dư nợ gốc và lãi của khách hàng Hoàng Thị T tại Ngân hàng là 255.571.507 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 200.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 55.298.630 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 272.877 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện đôn đốc bà Hoàng Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng; giấy báo nợ đến hạn ngày 04/4/2021; thông báo chuyển nợ quá hạn ngày 15/4/2021, thông báo đòi nợ ngày 26/4/2021. Tuy nhiên, tính đến nay Bà Hoàng Thị T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ cam kết, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

Tuyên buộc bà Hoàng Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền đến hết ngày 27/9/2022 là là 255.571.507 đồng, trong đó:

Nợ gốc: 200.000.000 đồng.

Nợ lãi trong hạn: 55.298.630 đồng;

Nợ lãi quá hạn: 272.877 đồng.

Tuyên buộc bà Hoàng Thị T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế bà Hoàng Thị T trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tuyên buộc bà Hoàng Thị T phải trả chi phí giám định cho Ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ trông chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70 và 71 BLTTDS.

Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70 và 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng; Bà Hoàng Thị T phải trả tiền chi phí giám định cho Ngân hàng; Bà Hoàng Thị T phải chịu án phí; Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngân hàng đã nộp: Bản Phương án sử dụng vốn kiêm Báo cáo đề xuất cho vay; Hợp đồng; Biên bản kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay; Giấy báo nợ đến hạn ngày 04/4/2021; Thông báo chuyển nợ qua hạn ngày 15/4/2021; Thông báo đòi nợ ngày 26/4/2021, Giấy ủy quyền của Tổng Giám đốc; Giấy ủy quyền của Giám đốc chi nhánh.

Tòa án thu thập các tài liệu: Trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết

Các đương sự không thống nhất với nhau về việc trả tiền vay do bị đơn bà T không đến Tòa án để hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Bà Hoàng Thị T cư trú tại thôn N Ch, xã N Kh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Ngân hàng kiện đòi tiền nợ từ hợp đồng tín dụng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 26, 35 và Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án thụ lý vụ án, tống đạt thông báo thụ lý vụ án; tống đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Hoàng Thị T hợp lệ nhưng bà T không có mặt theo thời gian, địa điểm theo thông báo nên vụ án không hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Đến ngày, giờ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà T vắng mặt nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa. Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo hoãn phiên toà cho các đương sự. Bà T vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ Điều 207, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Trên cơ sở tự do, tự nguyện, ngày 14/4/2020 bà Hoàng Thị T vay của Ngân hàng số tiền gốc là 200.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng, lãi xuất là 12%/ năm. Lãi suất với dư nợ gốc qúa hạn là 150% của lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả 10%/ năm. Hạn trả nợ gốc phân kỳ: Ngày 14/4/2022 trả 10.000.000đ; Ngày 14/4/2023 trả 20.000.000đ; Ngày 14/4/2024 trả 40.000.000đ và Ngày 14/4/2025 trả 130.000.000đ. Hạn trả lãi 12 tháng/kỳ.

Hợp đồng vay được lập theo quy định của Điều 463 Bộ luật dân sự; Điều 90 và 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng.

Kết quả giám định: Kết luận giám định số 914/KL-KTHS ngày 05/8/2022 của Phòng Kỹ thuật Hinh sự Công an tỉnh Tuyên Quang đa kết luận: *"Chữ ký, chữ viết ghi tên Hoàng Thị T dưới mục "ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG" trên mẫu giám định ký hiệu A1; dưới mục "BÊN VAY" trên mẫu giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết ghi tên Hoàng Thị T trên các mẫu giám định ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký và viết."*.

Qúa trình thực hiện hợp đồng đến ngày 14/4/2022 bà T không trả khoản tiền gốc theo phân ký và trả khoản tiền lãi theo phân kỳ.

Bà T đã vi phạm điểm b khoản 1 Điều 6 của hợp đồng.

Về tính lãi xuất: Theo quy định của Điều 2 của Hợp đồng thì tiền lãi được tính như sau:

Lãi trong hạn:

Từ ngày 23/5/2020 – 13/4/2021:

200.000.000đ x 326 ngày x 12%/365 ngày = 21.435.616 đ;

Từ ngày 14/4/2021 – 14/7/2021:

200.000.000đ x 92 ngày x 12%/365 ngày = 6.049.315đ;

Từ ngày 15/7/2021 – 31/12/2021:

200.000.000đ x 170 ngày x 10,8%/365 ngày = 10.060274đ;

Từ ngày 01/01/2022 – 27/9/2022:

200.000.000đ x 270 ngày x 12%/365 = 17.753.425đ .

Lãi qúa hạn: Từ ngày 15/4/2022 – 27/9/2022:

10.000.000đ x 166 ngày x 12%/2/365 ngày = 272.877đ.

Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ. Buộc bà Hoàng Thị T phải trả tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng.

Kể từ ngày tuyên án bà Hoàng Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi được quy định trong hợp đồng theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2029 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4]. Chi phí giám định và án phí:

Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà Hoàng Thị T phải chịu chi phí giám định theo quy định của Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tiền tạm ứng chi phí giám định Ngân hàng đã nộp. Bà T phải trả cho Ngân hàng số tiền chi phí giám định là 4.260.000đ. Số tiền nộp tạm ứng chi phí giám định còn lại Tòa án đã hoàn trả cho Ngân hàng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiên của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với phần tiền phải trả cho Ngân hàng theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Án phí phải chịu là: 255.571.507 đồng x 5% = 12.778.575 đồng (Làm tròn số là 12.778.500 đồng).

[5]. Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 162, 207, 228, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng các Điều 275, 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 90, 91và Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàngđòi tiền cho bà Hoàng Thị T vay.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Hoàng Thị T phải trả cho Ngân hàngsố tiền tính đến hết ngày 27/9/2022 là 255.571.507 đồng *(Hai trăm năm mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi mốt nghìn năm trăm linh bảy đồng)* trong đó nợ gốc: 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 55.298.630 đồng; nợ lãi qúa hạn 272.877 đồng.

Bà Hoàng Thị T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 8105LAV202000924 ngày 14/4/2022, kể từ ngày 28/9/2022 cho đến ngày thực tế bà Hoàng Thị T trả hết nợ cho Ngân hàng.

2. Buộc bà Hoàng Thị T phải trả cho Ngân hàngsố tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.260.000 đồng *(Bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng)* .

Khoản tiền chi phí giám định phải trả, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí:

- Bà Hoàng Thị T phải chịu 12.778.500 đ *(Mười hai triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự có giá nghạch.

- Ngân hàngkhông phải chịu án phí. Trả lại cho Ngân hàng số tiền Tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.163.500đ *(Sáu triệu một trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm đồng)* theo biên lai thu số: 0005004 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

4. Ngân hàngcó quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hoàng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhân được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự"./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện Na Hang;;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Thành

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Hần **Nguyễn Đức Nhâm** **Phan Anh Thành**